

Irregular verb table (Bảng động từ bất quy tắc)

Group 1 – All three forms of the verb are the same

Base Form	Simple Form	Past Participle	
bet	bet	bet	cá cược
let	let	let	cho phép; để cho
cast	cast	cast	ném; tung
broadcast	broadcast	broadcast	phát thanh
forecast	forecast/ forecasted	forecast/ forecasted	tiên đoán
cost	cost	cost	có giá là
hit	hit	hit	đụng
hurt	hurt	hurt	làm đau
cut	cut	cut	cắt; chặt
put	put	put	đặt; để
shut	shut	shut	đóng
spread	spread	spread	lan truyền
read	read (pronounced red)	read (pronounced red)	đọc

Group 2 – The 2nd and 3rd forms of the verb are the same

Base Form	Simple Past	Past Participle	
lose	lost	lost	làm mất; mất
shoot	shot	shot	bắn
get	got	got	có được
light	lit	lit	chiếu sáng

sit	sat	sat	ngồi
keep	kept	kept	giữ
sleep	slept	slept	ngủ
oversleep	overslept	overslept	ngủ quên
sweep	swept	swept	quét
weep	wept	wept	khóc
feel	felt	felt	cảm thấy
feed	fed	fed	cho ăn; ăn; nuôi;
meet	met	met	gặp mặt
flee	fled	fled	chạy trốn
smell	smelt	smelt	ngửi
leave	left	left	ra đi; để lại
lead	led	led	dẫn dắt; lãnh đạo
burn	burnt/burned	burnt/burned	đốt; cháy
mean	meant	meant	có nghĩa là
bring	brought	brought	mang đến
buy	bought	bought	mua
fight	fought	fought	chiến đấu
think	thought	thought	Nghĩ
seek	sought	sought	tìm kiếm
catch	caught	caught	bắt; chụp

teach	taught	taught	dạy; giảng dạy
sell	sold	sold	bán
tell	told	told	kể; bảo
lay	laid	laid	đặt; để
pay	paid	paid	trả (tiền)
repay	repaid	repaid	hoàn tiền lại
say	said	said	nói
overlay	overlaid	overlaid	phủ lên
make	made	made	chế tạo, sản xuất
remake	remade	remade	làm lại; chế tạo lại
misunderstand	misunderstood	misunderstood	hiểu lầm
stand	stood	stood	đứng
understand	understood	understood	hiểu
bend	bent	bent	bẻ cong
lend	lent	lent	cho mượn (vay)
send	sent	sent	gửi
spend	spent	spent	tiêu sài
build	built	built	xây dựng
rebuild	rebuilt	rebuilt	xây dựng lại
hang	hung	hung	móc lên; treo lên
overhang	overhung	overhung	nhô lên trên; treo lơ lửng
dig	dug	dug	đào
hear	heard	heard	nghe
overhear	overheard	overheard	nghe trộm
find	found	found	tìm thấy; thấy

wind	wound	wound	quấn
have	had	had	có
hold	held	held	nắm, tổ chức
shine	shone	shone	chiếu sáng
strike	struck	struck	đánh đập
win	won	won	thắng; chiến thắng

Group 3 – The 1st and 3rd forms of the verb are the same

Base Form	Simple Past	Past Participle	
become	became	become	trở nên
come	came	come	đến; đi đến
overcome	overcame	overcome	khắc phục
run	ran	run	chạy
overrun	overran	overrun	tràn ngập

Group 4 - All three forms of the verb are different

Base Form	Simple Past	Past Participle	
drive	drove	driven	lái xe
ride	rode	ridden	cưỡi
rise	rose	risen	đứng dậy; mọc
write	wrote	written	viết
rewrite	rewrote	rewritten	viết lại
bite	bit	bitten	cắn
hide	hid	hidden	giấu; trốn; lấp
awake	awoke	awoken	đánh thức; thức
break	broke	broken	đập vỡ
choose	chose	chosen	lựa chọn
speak	spoke	spoken	nói
wake	woke	woken	thức giấc
blow	blew	blown	thổi
grow	grew	grown	mọc; trồng
know	knew	known	biết; quen biết
fly	flew	flown	bay
overfly	overflew	overflown	bay qua
overthrow	overthrew	overthrown	lật đổ

throw	threw	thrown	ném ; liệng
show	showed	shown	cho xem
draw	drew	drawn	vẽ; kéo
withdraw	withdrew	withdrawn	rút lui
bear	bore	borne	mang, chịu đựng
tear	tore	torn	xé rách
swear	swore	sworn	tuyên thệ , thề
wear	wore	worn	mặc
begin	began	begun	bắt đầu
drink	drank	drunk	uống
swim	swam	swum	bơi
ring	rang	rung	rung chuông
sing	sang	sung	hát
sink	sank	sunk	chìm; lặn
take	took	taken	cầm; lấy
mistake	mistook	mistaken	phạm lỗi, lầm lẫn
overtake	overtook	overtaken	đuổi bắt kịp
retake	retook	retaken	chiếm lại; tái chiếm
shake	shook	shaken	lay; lắc
eat	ate	eaten	ăn
overeat	overate	overeaten	ăn quá nhiều
see	saw	seen	thấy
foresee	foresaw	foreseen	thấy trước

oversee	oversaw	overseen	trông nom
do	did	done	làm
redo	redid	redone	làm lại
give	gave	given	cho
forgive	forgave	forgiven	tha thứ
get	got	got/ gotten	có được
forget	forgot	forgotten	Quên
freeze	froze	frozen	(làm) đông lại
steal	stole	stolen	đánh cắp
weave	wove/ weaved	woven/ weaved	dệt
be	was/were	been	thì, là, bị. ở
fall	fell	fallen	ngã, rơi
forbid	forbade/ forbad	forbidden	cấm đoán; cấm
go	went	gone	đi
saw	sawed	sawn	cưa